TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Long Giang;

2. Ông Nguyễn Văn Độ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, quyết định tạm ngường phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2024/TB-DS ngày 26 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Quang N, sinh năm 1987; nơi cư trú: đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 10 năm 2023), vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phúc H, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông N và bà Nguyễn Thị Phúc H làm việc chung Công ty. Ngày 10 tháng 7 năm 2023, bà Hậu cần tiền nên có nhắn tin hỏi vay tiền ông N và hẹn trong 10 ngày sau sẽ thanh toán lại cho ông N. Vì làm chung Công ty đã lâu nên ông N đồng ý cho bà H vay. Sau đó, bà H vay của ông N tổng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ông N giao tiền cho bà H thông qua hình thức chuyển khoản 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 10 tháng 7 năm 2023, ông N đã chuyển khoản cho bà H số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Lần 2: Cùng ngày 10 tháng 7 năm 2023, ông N đã tiếp tục chuyển khoản cho bà H số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, đến thời hạn trả nợ, ông N có liên hệ bà H để yêu cầu thanh toán nhưng bà H lại hẹn không thanh toán lại khoản nợ cho ông N. Hiện nay, bà H còn nộp đơn xin nghỉ việc tại Công ty đang làm chung với ông N để cố tình né tránh. Ông N đã liên tục nhắc và yêu cầu bà H trả nợ nhưng đều hẹn không thanh toán. Ông N yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phúc H có nghĩa vụ thanh toán cho ông N tổng số tiền là 51.245.000 (năm mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Gồm các khoản cụ thể như sau: Tiền gốc là: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tiền lãi tính 03 tháng với mức lãi suất chậm trả 0.83% tháng số tiền là 50.000.000 đồng x 03 tháng x 0,83%/ tháng = 1.245.000 (một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang N. Buộc bà Nguyễn Thị Phúc H thanh toán số tiền gốc đã vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tiền lãi là 1.245.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Quang N khởi kiện bà Nguyễn Thị Phúc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo biên bản xác minh ngày 08-11-2023 tại Công an xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Nguyễn Thị Phúc H. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung :Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 51.245.000 đồng, theo Bảng sao kê tài sản của Ngân hàng V ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Công Văn số 100/BBD-KT.CCTT ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc cung cấp thông tin của Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh B xác định bà Nguyễn Thị Phúc H có vay tiền của ông N là 50.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời hạn vay tiền. Bà H và ông N thỏa thuận miệng thời hạn vay tiền là 10 ngày nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, theo tin nhắn điện thoại từ bà H sang ông N ngày 09 tháng 10 năm 2023, bà H hẹn ông N là đến ngày 25 tháng 10 năm 2023 bà H sẽ thanh toán cho ông N. Xét thấy, bà H vay tiền của ông N là có thật, bà H không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ, ông N yêu cầu bà H trả tiền gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến ngày 20 tháng 10 năm 2023 là 50.000.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 3 tháng = 1.245.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 và 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phúc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Phúc H có trách nhiệm thanh toán ông Lê Quang N số tiền là 51.245.000 (năm mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 1.245.000 (một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phúc H phải nộp 2.562.250 (hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Quang N 1.281.125 (một triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010504 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;

- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu VP, HSVA.

Nguyễn Đăng Khoa